

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

***Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Hồng Lam**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà **Khuru Liên Dung**

2- Ông **Thạch Hương**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thể Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Huyền T – sinh năm 1983

Địa chỉ: Khóm T, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khóm T, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Huyền T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2006, đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống ông T không làm trọn

bổn phận là người chồng, người cha, không chăm lo được cuộc sống cho vợ con. Bản thân bà T cũng đã có tình cảm với người khác, nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Trần Ngọc Á, sinh ngày 24/12/2006 và Trần Gia H, sinh ngày 06/7/2009. Con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Ngọc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Huyền T đối với ông Trần Ngọc T.

Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Mai Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Xét thấy bà Mai Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Mai Thị Huyền T và ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2006, đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Nền hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng bà T xác định quá trình chung sống ông T không làm tròn bổn phận là người chồng, người cha, không chăm lo được cuộc sống cho vợ con. Bản thân bà T cũng đã có tình cảm với người khác, nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Ông T không có lời trình bày. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà T xác định quá trình chung sống, có hai 02 con chung tên Trần Ngọc Â, sinh ngày 24/12/2006 và Trần Gia H, sinh ngày 06/7/2009. Hai con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không thể hiện ý kiến có nguyện vọng nuôi con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là Trần Ngọc Â, sinh ngày 24/12/2006 và Trần Gia H, sinh ngày 06/7/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống, bà và ông T không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông T không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Mai Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Huyền T đối với ông Trần Ngọc T. Bà Mai Thị Huyền T được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc Â, sinh ngày 24/12/2006 và Trần Gia H, sinh ngày 06/7/2009 cho bà Mai Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống cùng bà T, cho nên bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Ông Trần Ngọc T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Ông Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con do bà Mai Thị Huyền T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Mai Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006424 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã Phường 2, thành phố Bạc Liêu,  
tỉnh Bạc Liêu
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Lê Hồng Lam**